



huǒ zàng

火葬

noun · cremation

Example Sentences

Tā xuǎn zé huǒ zàng

他选择火葬。

He chose cremation.

huǒ zàng zài chéng shì lǐ yuè lái yuè pǔ biàn

火葬在城市里越来越普遍。

Cremation is becoming more common in cities.

Trace each character, then write the word on your own.

火	火	火	火	火	火	火				
葬	葬	葬	葬	葬	葬	葬	葬	葬	葬	葬
葬	葬	葬	葬							